

BÁO CÁO

Kết quả công tác cải cách hành chính năm 2025 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về chế độ báo cáo định kỳ, trong đó có nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC), UBND tỉnh Quảng Trị báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật của Lãnh đạo UBND tỉnh đối với công tác CCHC

Từ đầu năm đến thời điểm hợp nhất, tỉnh Quảng Trị (cũ) và tỉnh Quảng Bình (cũ) đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành như Kế hoạch CCHC năm 2025, Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2025; tổ chức xác định và công bố chỉ số CCHC các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố năm 2024.

Từ khi hợp nhất thành tỉnh Quảng Trị (mới), UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành như Kế hoạch CCHC 06 tháng cuối năm 2025 (tại Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 15/7/2025). Giao Sở Nội vụ chủ trì hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện kế hoạch; theo dõi, tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác CCHC¹. Kế hoạch số 418/UBND-KH ngày 07/8/2025 về tuyên truyền CCHC 6 tháng cuối năm; Kế hoạch số 987/KH-UBND ngày 18/9/2025 về kiểm tra CCHC năm 2025.

UBND tỉnh đã rà soát Bộ chỉ số CCHC, giao Sở Nội vụ nghiên cứu, xin ý kiến các sở, ban, ngành, UBND xã, phường, thị trấn để sửa đổi Bộ chỉ số CCHC; trên cơ sở đó, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 phê duyệt Đề án “Xác định chỉ số CCHC các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND xã, phường, đặc khu”;

Để tổ chức điều tra xã hội học, khảo sát ý kiến người dân về sự hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 về Phê duyệt Phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Giao Sở Nội vụ ban hành Quyết định số 5965/QĐ-SNV ngày 17/11/2025 về phê duyệt Phiếu điều tra xã hội học xác định chỉ số CCHC.

¹ Công văn số 251/SNV-CCHC ngày 17/7/2025 của Sở Nội vụ, Công văn số 3793/SNV-CCHC ngày 08/12/2025

UBND tỉnh đã quyết định thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Trưởng BCĐ đã quyết định thành lập Tổ công tác CCHC tỉnh thuộc BCĐ; Tổ trưởng Tổ công tác CCHC tỉnh đã ban hành Quy chế hoạt động của Tổ và chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2025; UBND tỉnh thường xuyên tiến hành họp BCĐ, tổ giúp việc để đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, nhất là sau thời điểm sáp nhập tỉnh, qua đó nhằm rút kinh nghiệm, tăng cường hơn nữa công tác chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục quan tâm, thực hiện nhiệm vụ CCHC đạt hiệu quả cao hơn trong thời gian tới.

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm

Tỉnh Quảng Trị đã hoàn thành 53/53 nhiệm vụ CCHC trong năm, đạt tỷ lệ 100%.

3. Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC 6 tháng cuối năm 2025 (tại Kế hoạch số 418/UBND-KH ngày 07/8/2025). Chỉ đạo các cơ quan, địa phương tiếp tục thực hiện các phóng sự, tin, bài trên Báo và phát thanh truyền hình tỉnh, các phương tiện thông tin đại chúng. Trên cơ sở kế hoạch của tỉnh, nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC của đơn vị mình; tích cực đăng tải bài viết, bản tin tuyên truyền CCHC trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương với nhiều hình thức phong phú, một số địa phương đã tổ chức các cuộc thi tìm kiếm sáng kiến trong CCHC như: Sở Y tế tổ chức Cuộc thi “Xây dựng video tuyên truyền về công tác cải cách hành chính” năm 2025 của ngành Y tế tỉnh Quảng Trị; xã Hiếu Giang tổ chức cuộc thi Sáng tạo Slogan (khẩu hiệu) và tìm kiếm ý tưởng, sáng kiến, giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính năm 2025; xã Vĩnh Hoàng tổ chức thi “Tìm kiếm giải pháp trong thực hiện công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số năm 2025”.

Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh đã phối hợp Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh tổ chức chương trình tọa đàm “Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ công cấp xã”; qua đó, đánh giá tình hình hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

4. Kiểm tra cải cách hành chính

UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2025 (theo Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh). Đoàn kiểm tra đã hoàn thành việc kiểm tra và thông báo kết luận kiểm tra 29/29 cơ quan, địa phương (04 sở, ngành và 25 xã, phường) đạt 100%. Qua kiểm tra đã kịp thời phát hiện vướng mắc, tồn tại và hướng dẫn chấn chỉnh, đề ra giải pháp khắc phục trong công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

5. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Tỉnh Quảng Trị được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao 128 nhiệm vụ, đã hoàn thành 100 nhiệm vụ, 9 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn, 19 nhiệm vụ chờ xác nhận.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

Căn cứ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy Chương trình số 02-CTr/TU ngày 06/8/2025 về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá (XIII) về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

1.1. Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng văn bản QPPL đảm bảo chặt chẽ, khoa học, chuyên nghiệp và đúng trình tự, thủ tục trong ban hành văn bản QPPL. Giao Sở Tư pháp thẩm định 155 dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh và văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh do UBND tỉnh trình; trên cơ sở đó HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 134 văn bản QPPL (103 Quyết định² và 31 Nghị quyết³) để thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, cụ thể hóa kịp thời các quy định pháp luật do cơ quan có thẩm quyền ở trung ương ban hành thành các quy phạm pháp luật, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và là cơ sở của hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh trên các lĩnh vực giáo dục đào tạo, đất đai, nông nghiệp, kế hoạch đầu tư, nội vụ, văn hóa, khoa học, công nghệ, dân tộc, y tế, du lịch.... Quá trình thẩm định đã có nhiều đổi mới, chuyên nghiệp hơn, thẩm định toàn diện về nội dung, rút ngắn thời gian giải quyết, khẳng định rõ nội dung dự thảo đủ hoặc không đủ điều kiện trình UBND tỉnh; qua đó đã nâng cao chất lượng dự thảo văn bản trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết số 206/2025/NQ-QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội⁴, UBND tỉnh hướng dẫn về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật của địa phương ban hành, trong đó, đã chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát để xác định các khó khăn, vướng mắc và “điểm nghẽn” trong văn bản QPPL để tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền

² Quảng Bình: 28; Quảng Trị cũ: 40; Quảng Trị mới: 35

³ Quảng Bình: 12; Quảng Trị: 11; Quảng Trị mới: 08 (trong đó có 06 Nghị quyết do UBND tỉnh trình; 02 Nghị quyết do các Ban của HĐND trình).

⁴ Công văn số 37/UBND-NC ngày 09/7/2025 của UBND tỉnh

xử lý bằng các hình thức (1) ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để quy định vấn đề mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định hiện hành theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; (2) hướng dẫn áp dụng đối với văn bản quy phạm pháp luật, hiện nay các sở, ngành đang thực hiện việc xử lý theo lộ trình.

1.2. Tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các nội dung để nâng cao hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn một số nội dung về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trong năm 2025 để các sở, ngành, địa phương làm cơ sở triển khai thực hiện.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương chưa phù hợp với nguyên tắc phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương để đề xuất điều chỉnh cho thống nhất và đề xuất nội dung văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương đối với một số vấn đề ưu tiên, cấp bách về phân quyền, phân cấp. Tổ chức rà soát các văn bản QPPL Trung ương để phản ánh, kiến nghị, sửa đổi, bổ sung các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quy định pháp luật liên quan đến phát triển kinh tế, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

UBND tỉnh, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh xây dựng Kế hoạch truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua. Trong đó, đã xác định rõ mục đích, yêu cầu; đối tượng phạm vi; nội dung truyền thông chính sách; hình thức và biện pháp thực hiện; tiến độ thực hiện. Sở Tư pháp đã phối hợp thực hiện 19 chuyên mục “Pháp luật & Đời sống”, 12 chuyên mục PBGDPL đăng trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Trị; 84.430 Bản tin Tư pháp; 44 file ghi âm tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở. Hàng tháng, thực hiện biên soạn và ghi âm tài liệu tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở (04 chuyên đề mỗi tháng) cung cấp cho các địa phương. Các Chuyên đề được biên soạn ngắn gọn, cung cấp những thông tin hữu ích, thiết thực; trong đó tập trung vào các chủ trương, chính sách của Đảng, văn bản pháp luật của nhà nước, đặc biệt là các luật, bộ luật mới ban hành. Các file ghi âm tài liệu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật hàng tháng được chuyển về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chuyển tải kịp thời đến người dân trên địa bàn các xã, được phát trên khung giờ thu hút đông đảo khán, thính giả lắng nghe.

1.4. Kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2025⁵; tự kiểm tra 103 Quyết định⁶ do UBND tỉnh ban hành (đạt 100%); kiểm tra theo thẩm quyền 36 văn bản⁷. Qua kiểm tra, cho thấy các văn bản QPPL được ban hành đúng trình tự, thủ tục, nội dung đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành. Ngoài ra, đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành tự kiểm tra theo chuyên đề theo yêu cầu của Bộ Tư pháp và các bộ, ngành Trung ương khác đối với 12 văn bản QPPL liên quan đến các lĩnh vực⁸: Chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phục vụ mục tiêu phát triển nguồn nhân lực; lĩnh vực khoa học và công nghệ⁹; lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an¹⁰; lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo¹¹.

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương rà soát văn bản QPPL do HĐND và UBND tỉnh ban hành bị tác động bởi việc sắp xếp tổ chức, bộ máy; văn bản QPPL bị tác động bởi việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, đã rà soát, xác định 1.075 văn bản QPPL còn hiệu lực thi hành của 02 tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị (cũ) ban hành để đề xuất phương án áp dụng hoặc xây dựng lộ trình xử lý (sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ hoặc thay thế). Đến nay, các sở, ngành đã trình HĐND tỉnh và UBND tỉnh quyết định việc áp dụng văn bản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới) hoặc bãi bỏ hoặc thay thế đối với 231 văn bản nhằm kịp thời phục vụ hoạt động quản lý nhà nước trên tất cả lĩnh vực.

Ngoài ra, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh rà soát 76 văn bản của địa phương bị tác động bởi 28 Nghị định của Chính phủ về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong các lĩnh vực quản lý nhà nước; 03 văn bản liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính để tham mưu sửa đổi, bổ sung theo hướng tái sử dụng dữ liệu đã số hoá để cắt, giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp phải xuất trình, nộp, khai báo lại các thông tin, giấy tờ đã được số hoá. UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các sở, ngành xử lý các văn bản này theo

⁵ Kế hoạch số 2502/KH-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2025; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 22/01/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2025 trên địa bàn tỉnh...

⁶ Quảng Bình: 28; Quảng Trị cũ: 40; Quảng Trị mới: 35

⁷ Quảng Bình: 05; Quảng Trị: 31.

⁸ 03 văn bản liên quan đến chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; 04 văn bản liên quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phục vụ mục tiêu phát triển nguồn nhân lực; 02 văn bản liên quan lĩnh vực khoa học và công nghệ; 03 văn bản lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

⁹ Báo cáo số 454/BC-UBND ngày 25/12/2024 về kết quả tự kiểm tra văn bản QPPL theo các chuyên đề.

¹⁰ Công văn số 1758/UBND-NC ngày 06/11/2025 V/v thực hiện tự kiểm tra và gửi văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an

¹¹ Báo cáo số 168/BC-UBND ngày 04/11/2025 Kết quả tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo do UBND tỉnh Quảng Trị ban hành

đúng lộ trình đã đề ra¹². Chỉ đạo rà soát văn bản QPPL của UBND tỉnh để công nhận đầy đủ giá trị pháp lý của hồ sơ điện tử và kết quả giải quyết TTHC điện tử; ký số văn bản tổ tụng và thực hiện một số thủ tục tổ tụng điện tử; liên quan đến Luật Tư pháp người chưa thành niên; liên quan đến quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ¹³.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Để tiếp tục đẩy mạnh việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) bảo đảm hiệu quả, thực chất, khoa học, bài bản, tiếp cận từ thực tiễn và dựa trên mức độ sẵn có của dữ liệu, sự liên thông, đồng bộ về hạ tầng nhằm tạo thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho người dân, UBND tỉnh đã chỉ đạo phê duyệt phương án đơn giản hóa cho 17 thủ tục.

2.2. Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết

Công khai TTHC đầy đủ, đồng bộ: 100% DVC trực tuyến được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia, đồng bộ với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Tổng số DVC trực tuyến do tỉnh triển khai, xây dựng và đã cung cấp trên Cổng DVC quốc gia là 2.169 thủ tục (trong đó, DVC trực tuyến toàn trình: 1.087; DVC trực tuyến một phần: 1.082); số TTHC chưa cung cấp DVC trực tuyến: 36 thủ tục. Việc niêm yết công khai được thực hiện bằng nhiều hình thức: bảng niêm yết giấy, mã QR, niêm yết điện tử, máy tra cứu thông tin, giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin chính xác và kịp thời.

2.3. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Chuẩn hóa và tái cấu trúc quy trình: UBND tỉnh công bố danh mục 141 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và phê duyệt 374 quy trình điện tử DVC trực tuyến (trong đó, 217 DVC trực tuyến toàn trình, 157 DVC trực tuyến một phần), đảm bảo thống nhất, minh bạch và phù hợp mô hình chính quyền hai cấp. Việc chuẩn hóa quy trình giúp người dân, doanh nghiệp nắm rõ thời gian xử lý, thành phần hồ sơ và cơ quan giải quyết.

Chỉ số công khai, minh bạch trên Cổng DVC quốc gia: theo kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC và cung cấp DVC trên Cổng DVC quốc gia theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tính đến ngày 01/12/2025, nhóm chỉ số công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Trị đạt tổng cộng 15,61/18 điểm, nằm trong nhóm **4 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước** về công khai, minh bạch.

¹² Công văn số 25/UBND-HCC ngày 08/7/2025 và Công văn số 249/UBND-NC ngày 28/7/2025

¹³ Công văn số 801/UBND-NC ngày 08/9/2025 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 764/KH-UBND ngày 04/9/2025 của UBND tỉnh triển khai thi hành Luật Tư pháp người chưa thành niên; Công văn số 1105/STP-QLVB ngày 12/9/2025 và Công văn số 15/STP-QLVB ngày 17/9/2025 của Sở Tư pháp.

Tăng cường hỗ trợ tiếp cận thông tin: Duy trì các kênh thông tin như tổng đài, Facebook, Zalo, YouTube; đồng thời kịp thời đăng tải thông báo, quy trình, phí, lệ phí và hướng dẫn thực hiện TTHC để người dân dễ theo dõi và tra cứu.

UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành liên quan thường xuyên rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá và rút ngắn thời gian thực hiện TTHC so với quy định¹⁴. Cụ thể như rà soát, sửa đổi các quy định không phù hợp với việc thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính và triển khai DVC trực tuyến toàn trình; Rà soát hoàn thành 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, giảm tối đa giấy tờ; Rà soát, điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC đáp ứng thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính,...

Nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến đặc biệt là DVC trực tuyến toàn trình; đẩy mạnh hoàn thành việc số hóa hồ sơ TTHC; ký số kết quả TTHC nhằm khai thác hiệu quả, giảm thời gian xử lý và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện DVC trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia. Ban hành Kế hoạch tuyên truyền về cải cách hành chính, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến và thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị trong Quý 4/2025 và 6 tháng đầu năm 2026. Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Quảng Trị. Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC, giúp giảm thời gian đi lại và tiết kiệm chi phí.

Đồng thời, chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công triển khai nhiều giải pháp nhằm rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, tăng tỷ lệ hồ sơ sớm, đúng hạn và giảm hồ sơ quá hạn, góp phần cải thiện nhóm chỉ số Chi phí thời gian, góp phần nâng cao mức hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC và cung cấp DVC trên Cổng DVC quốc gia như sau:

- Nhóm chỉ số về tiến độ giải quyết trên Cổng DVC quốc gia, tỉnh Quảng Trị đạt 19,46/20 điểm, nằm trong nhóm **4 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước** về tiến độ giải quyết. Tỷ lệ hồ sơ được xử lý đúng và trước hạn đạt 97,35%.

- Nhóm chỉ số về cung cấp dịch vụ trực tuyến (bao gồm các chỉ tiêu về DVC trực tuyến và Thanh toán trực tuyến: 17,51/22 điểm. Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 77,24%; tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên cổng DVC quốc gia đạt 100%, tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 71,04%; tỷ lệ hồ sơ thanh toán không dùng tiền mặt đạt 88,05%;

¹⁴ Công văn số 2911/VP-HCC ngày 06/10/2025; Công văn số 2912/VP-HCC ngày 06/10/2025; Công văn số 1366/UBND-HCC ngày 13/10/2025; Công văn số 1587/UBND-HCC ngày 27/10/2025; Công văn số 4524/VP-HCC ngày 24/11/2025; Công văn số 2106/UBND-HCC ngày 27/11/2025; Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 27/11/2025.

- Nhóm chỉ số về số hóa hồ sơ: 20,97/22 điểm. Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 94,59%; tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 94,29%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 96,64%;

- Nhóm chỉ số về mức độ hài lòng: 17,76/18 điểm. Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC đạt 94,95%; tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị đạt 95,39%.

Ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến và số hóa hồ sơ tiếp tục là điểm sáng trong công tác cải cách hành chính của tỉnh.

- Tỉnh Quảng Trị đã thực hiện cung cấp 2.169 dịch vụ công trực tuyến, trong đó có 1.087 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục thuận tiện hơn, giảm đáng kể việc phải nộp hồ sơ trực tiếp.

- Tỷ lệ hồ sơ được nộp và xử lý trực tuyến đạt từ **77,24% đến 83,91%**, tùy cấp chính quyền. Việc người dân và doanh nghiệp chuyển mạnh sang sử dụng dịch vụ công trực tuyến đã giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và giảm áp lực tại các điểm tiếp nhận.

- Công tác số hóa hồ sơ được triển khai đồng bộ, trong đó: Cấp tỉnh: tỷ lệ hồ sơ được số hóa đạt **98,82%**; Cấp xã: tỷ lệ hồ sơ số hóa đạt **99,63%**, cho thấy sự chủ động và nỗ lực rất lớn của các địa phương.

- Tỷ lệ thanh toán phí, lệ phí trực tuyến đạt từ **88% đến 95%**, thể hiện sự chuyển biến mạnh trong ứng dụng công nghệ, nâng cao mức độ thuận tiện và minh bạch trong thực hiện TTHC có nghĩa vụ tài chính.

- 100% công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh được cấp chứng thư số và thực hiện xử lý hồ sơ hoàn toàn trên môi trường điện tử; góp phần đảm bảo an toàn thông tin, tính toàn vẹn dữ liệu và nâng cao hiệu quả công việc.

Công tác tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, bảo đảm tính công khai, minh bạch và kịp thời thể hiện tinh thần cầu thị, năng động của chính quyền trong giải quyết vấn đề phát sinh. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và xử lý **19 phản ánh, kiến nghị**, đảm bảo **100%** được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền và trả lời đúng hạn.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thực hiện sắp xếp các cơ quan, tổ chức hành chính và ĐVSNCL đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực, từng địa

phương, góp phần tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC, tiết kiệm ngân sách nhà nước, dành nguồn lực cho đầu tư phát triển và an sinh xã hội.

Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy tổ chức hành chính, ĐVSNCL:

- Cấp tỉnh: Có 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (giảm 13 cơ quan), 02 tổ chức hành chính thuộc tỉnh (giảm 02 cơ quan); 101 phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (giảm 102 tổ chức); 08 phòng và tương đương thuộc tổ chức hành chính cấp tỉnh (giảm 05 tổ chức); 10 chi cục và tương đương (giảm 08), 01 Trung tâm PVHCC cấp tỉnh, 01 Trung tâm PVHCC cấp tỉnh, 09 ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh (giảm 04 đơn vị), 185 ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (giảm 29 đơn vị).

- Cấp xã: Chỉ đạo các xã thực hiện thành lập 233 cơ quan chuyên môn thuộc 78 xã, phường, đặc khu; 77 Trung tâm PVHCC cấp xã; chuyển nguyên trạng 878 ĐVSNCL cấp xã về thuộc UBND cấp xã quản lý (giảm 19 đơn vị); thành lập 77 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp cấp xã để cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo đúng quy định.

Thực hiện Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ ngày 21/9/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW về kế hoạch sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong hệ thống hành chính nhà nước, UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ dự kiến phương án sắp xếp các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (bao gồm các Ban Quản lý dự án).

Về tổ chức phối hợp liên ngành: Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập: 77 tổ chức phối hợp liên ngành; phối hợp thẩm định thành lập 11 tổ chức phối hợp liên ngành; giải thể 08 tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh theo đề nghị của các Sở; hướng dẫn về thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh.

Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 14/14 sở, ngành thuộc UBND tỉnh và 10/10 chi cục và tương đương thuộc sở, ngành cấp tỉnh; 01/01 Trung tâm PVHCC cấp tỉnh; 03 ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh; 197 ĐVSNCL thuộc Sở, ban, ngành cấp tỉnh.

3.2. Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Việc giao chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức và số lượng người làm việc trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được thực hiện kịp thời, đảm bảo phù hợp với yêu cầu tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần duy trì sự ổn định, tính liên tục trong hoạt động của bộ máy hành chính, nhất là sau khi sáp nhập, hợp nhất đơn vị hành chính các cấp và tổ chức vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Việc quản lý và sử dụng biên chế cán bộ, công chức, số người làm việc đã được kiểm soát chặt chẽ, đúng với các quy định của Trung ương, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và kết thúc chính quyền cấp huyện đã giảm được 2.521 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức hưởng

lương ngân sách nhà nước so với tổng số biên chế của 02 tỉnh trước khi sắp xếp (chưa bao gồm 382 biên chế công chức cấp huyện chưa sử dụng nằm trong tổng biên chế được Trung ương giao sau khi kết thúc chính quyền cấp huyện, biên chế Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh chuyển qua khối Đảng).

3.3. Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền

Thực hiện chủ trương, quyết định của Trung ương, chính quyền địa phương 2 cấp vận hành từ 01/7/2025 đến nay về cơ bản thông suốt, bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ tốt các yêu cầu của người dân, không bị đứt gãy các dịch vụ công.

Hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước đã có sự phân quyền, phân định trách nhiệm, quyền hạn của mỗi cấp. Việc phân chia quyền lực nhà nước cho các cơ quan nhà nước khác nhau giúp cho quyền lực nhà nước được sử dụng hiệu quả nhất, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao sự tự chủ của chính quyền địa phương.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Xây dựng, ban hành quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

Trên cơ sở chỉ đạo của Bộ Nội vụ về phương án bảo đảm nhân sự tại cấp xã; UBND tỉnh quyết định phê duyệt tạm thời vị trí việc làm tại cấp xã trên địa bàn tỉnh¹⁵. Hiện nay, UBND cấp xã đang xác định nhiệm vụ cụ thể của từng vị trí việc làm theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và thực hiện việc sử dụng, quản lý biên chế công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt phù hợp với số biên chế công chức được giao của UBND tỉnh.

Giao Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị tập trung hướng dẫn các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL xây dựng đề án vị trí việc làm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức khoa học, đảm bảo theo quy định, gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình.

4.2. Tuyển dụng, điều động công chức, viên chức

Tỉnh Quảng Trị không tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức năm 2025.

UBND tỉnh quyết định điều động, luân chuyển, tiếp nhận, biệt phái công chức, viên chức theo đúng quy định pháp luật. biệt phái 20 viên chức; Quyết định tiếp nhận công chức: 06 trường hợp; tiếp nhận công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 02 trường hợp. Quyết định điều động công chức: 10 trường hợp; điều động công chức sang viên chức: 05 trường hợp; điều động công chức sang viên chức để bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 14 trường hợp; chuyển viên chức: 02 trường hợp. Quyết định biệt phái viên chức làm việc ở vị trí

¹⁵ Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 10/10/2025 phê duyệt tạm thời vị trí việc làm tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

việc làm của công chức: 20 trường hợp. Quyết định điều động 01 người làm việc tại Hội. Cho ý kiến về việc tiếp nhận, tuyển dụng viên chức (SNGD, SNTT): 39 chỉ tiêu. Quyết định tiếp nhận 17 viên chức từ các tỉnh, thành phố về bố trí công tác tại các trường học trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Bộ Nội vụ; căn cứ tình hình thực tiễn đội ngũ cán bộ, công chức đơn vị hành chính cấp xã, trên cơ sở đề xuất của UBND các xã, phường, đặc khu, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện sắp xếp, bố trí lại đội ngũ đảm bảo thực hiện thông suốt, hiệu quả nhiệm vụ được giao cho chính quyền địa phương¹⁶. Đến nay, đã thực hiện tăng cường, biệt phái, điều động, tuyển dụng đối với 112 trường hợp để bố trí tại ĐVHC cấp xã (Biệt phái 61 cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh về hỗ trợ các đơn vị hành chính cấp xã; đồng thời thực hiện sắp xếp, tuyển dụng, điều động, tiếp nhận, biệt phái và bố trí lại 51 công chức cấp xã nhằm đảm bảo thực hiện thông suốt và hiệu quả nhiệm vụ được giao).

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả tiếp nhận viên chức vào công chức đối với 40 trường hợp.

Về chế độ, chính sách, tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện các chế độ, chính sách, tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo kịp thời và đúng quy định. Trong việc thực hiện chế độ, chính sách về nghỉ việc sau sắp xếp, UBND tỉnh giải quyết cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo đúng quy định; vừa đảm bảo quyền lợi, vừa tạo điều kiện để cơ cấu lại đội ngũ một cách hợp lý.

Kết quả đã giải quyết 2.245 trường hợp nghỉ việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ); 1.823 trường hợp nghỉ việc theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Giải quyết chế độ chính sách theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 17/9/2025 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với các đối tượng chịu tác động do việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo Kết luận số 183-KL/TW ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với 54 trường hợp.

Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành Nghị quyết 06/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết 07/2025/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức nghỉ theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP và Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ, theo đó đã hỗ trợ 95 trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ theo Nghị định số 178/2025/NĐ-CP.

¹⁶ Công văn số 749/UBND-NC ngày 30/8/2025 về việc điều động, biệt phái cán bộ, công chức, viên chức đến làm việc tại các đơn vị hành chính cấp xã; Công văn số 1112/UBND-NC ngày 25/9/2025 về phương án bảo đảm nhân sự tại cấp xã để tổ chức thực hiện.

Bên cạnh đó, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Quảng Trị ban hành Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 28/10/2025 về giải quyết chế độ trợ cấp 01 lần đối với 277 trường hợp là người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh hoặc cấp huyện trước ngày 01/7/2025 nghỉ việc ngay do thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng đối cán bộ, công chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quy chế Lễ tang cán bộ, công chức, viên chức; Kế hoạch tổ chức thi hành Luật Cán bộ, công chức năm 2025.

4.3. Bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật công chức, viên chức

UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm chức vụ người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu 14 cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; ĐVSNCCL cấp tỉnh và các chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh quản lý sau khi hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh; đồng thời, tham mưu UBND tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ theo phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh và quy định của pháp luật.

Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê chuẩn kết quả bầu 01 Chủ tịch UBND xã (xã Kim Điền); phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ 01 Chủ tịch UBND xã (xã Sen Ngư); phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch UBND các xã, phường¹⁷; phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch UBND các xã, phường¹⁸, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Bổ nhiệm và xếp lương ngạch Chuyên viên cao cấp sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ và BTV Tỉnh ủy: 15 trường hợp. Bổ nhiệm và xếp lương ngạch chuyên viên chính: 01 trường hợp.

Nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ: 38 người; nâng bậc lương trước thời hạn khi có thông báo nghỉ hưu: 02; cho ý kiến nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ: 03 trường hợp; nâng bậc lương thường xuyên: 41 người; cho ý kiến về nâng bậc lương thường xuyên đối với giáo viên hạng I: 02 trường hợp; nâng phụ cấp nhà giáo: 07; cho ý kiến nâng phụ cấp nhà giáo đối với giáo viên hạng I: 07 trường hợp; nâng phụ cấp thâm niên vượt khung: 04 trường hợp; hưởng phụ cấp chức vụ: 01 trường hợp.

Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Kế toán trưởng: 19 trường hợp.

Thông báo nghỉ hưu: 19 người.

4.4. Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị

¹⁷ Xã Hải Lăng, Vĩnh Định, Quảng Trạch, phường Ba Đồn.

¹⁸ Xã Quảng Trạch, phường Ba Đồn.

Xét thăng hạng CDNN viên chức từ hạng III lên hạng II cho hơn 278 trường hợp; Phê duyệt kết quả xét chuyển ngạch và bổ nhiệm vào các ngạch thanh tra: 08 trường hợp; miễn nhiệm ngạch thanh tra và xếp ngạch công chức: 12 trường hợp. Điều chỉnh phương án bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức văn hóa: 01 trường hợp.

Bổ nhiệm và xếp lương ngạch Chuyên viên cao cấp sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ và BTV Tỉnh ủy: 15 trường hợp. Bổ nhiệm và xếp lương ngạch chuyên viên chính: 01 trường hợp. Phê duyệt kết quả xét nâng ngạch công chức theo Nghị định số 116/2024/NĐ-CP: 130 người; xét nâng ngạch công chức đối với người được tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP: 01 trường hợp.

4.5. Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức

Các cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh quán triệt cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở, nghiêm túc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm thực thi công vụ, thái độ giao tiếp, ứng xử, phục vụ nhân dân. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã chấp hành các quy chế đảm bảo theo quy định, giao tiếp với người dân chuẩn mực, hướng tới sự hài lòng của người dân trong giải quyết thủ tục hành chính.

4.6. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch và dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025 (Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 13/10/2025); Giao Sở Tài chính phối hợp Sở Nội vụ phân bổ kinh phí bồi dưỡng, tập huấn năm 2025.

Các cơ quan, đơn vị đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo đúng Kế hoạch được giao, hoàn thành 100%.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả thực hiện các quy định quản lý tài chính - ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn ước tính đạt 12.704 tỷ đồng, vượt 13,9% dự toán Trung ương và vượt 6,9% dự toán địa phương giao. Trong đó, thu cân đối ngân sách đạt 10.166 tỷ đồng, vượt 18,1% dự toán Trung ương và vượt 8,9% dự toán địa phương giao; Thu từ xuất nhập khẩu đạt 2.538 tỷ đồng, đạt 99,5% dự toán Trung ương và địa phương giao. Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn 11 tháng năm 2025 ước tính đạt 28.804 tỷ đồng, vượt 3,1% dự toán Trung ương và đạt 98,1% dự toán địa phương giao.

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương năm 2025: Ước thực hiện 30.798 tỷ đồng, đạt 127% so dự toán, vượt dự toán giao do trong năm TW bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện 7.801 tỷ đồng (bao gồm thanh toán

kế hoạch vốn kéo dài năm 2024 chuyển sang và nguồn bổ sung từ nguồn vượt thu, dự phòng ngân sách các cấp, nguồn bổ sung có mục tiêu thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia).

- Chi thường xuyên: Ước thực hiện 22.357 tỷ đồng, đạt 120% dự toán giao. Năm 2025, điều hành chi ngân sách cơ bản theo tiến độ dự toán; công tác quản lý, điều hành chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán HĐND tỉnh giao.

Các cấp, các ngành theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, triển khai các giải pháp thu để hoàn thành dự toán thu ngân sách ở mức cao nhất. Tập trung kinh phí thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh và thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, quan trọng khác của tỉnh. Đặc biệt từ tháng 7/2025, ngân sách tập trung đảm bảo kịp thời cho các nhiệm vụ phục vụ sắp xếp đơn vị hành chính, triển khai chính quyền địa phương 2 cấp và giải quyết chính sách chế độ do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Trong 2 tháng cuối năm ngân sách tập trung chi khắc phục thiệt hại do mưa lũ gây ra.

Thực hiện Nghị quyết 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 về việc giao kế hoạch tiết kiệm 10% chi thường xuyên NSNN 07 tháng cuối năm 2025.

Ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công năm 2025, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo, triển khai nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án, nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công. UBND tỉnh đã kiện toàn các Tổ Công tác chỉ đạo giải ngân của UBND tỉnh sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; đưa nội dung giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ trọng tâm chỉ đạo hàng tuần của UBND tỉnh. Thường xuyên tổ chức các phiên họp chuyên đề, giao ban xây dựng cơ bản, kiểm tra thực địa để nắm bắt tình hình và trực tiếp chỉ đạo giải quyết kịp thời các vấn đề thực tiễn phát sinh; ban hành nhiều văn bản điều hành chỉ đạo các cấp, các ngành và chủ đầu tư tăng cường quản lý và tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư công của đơn vị, địa phương mình. UBND tỉnh luôn quán triệt các cấp, các ngành việc thúc đẩy giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, ưu tiên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% trở lên trong năm 2025. Tổng giá trị giải ngân vốn đầu tư công kế hoạch 2025 đạt 5.671 tỷ đồng, đạt 45,5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đến nay (12.454 tỷ đồng) và đạt 61% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm (9.301 tỷ đồng).

5.2. Kết quả thực hiện quy định quản lý, sử dụng tài sản công

Thực hiện Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 01/7/2025 tỉnh Quảng Trị được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị và bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động. UBND tỉnh điều chuyển, giao trụ sở làm việc, trang thiết bị cho các cơ quan, đơn vị địa phương trên toàn tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 3531/QĐ-BTC ngày 17/10/2025 của Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 0h00 ngày 01 tháng 01 năm 2026, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 00h00 ngày 01 tháng 01 năm 2026 thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện Kế hoạch số 518/KH-UBND ngày 15/8/2025 về việc xử lý đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp sau khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính. Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị và các địa phương, hiện nay, có 436 cơ sở nhà, đất cần tiếp tục xử lý khi sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Trong đó, đã thực hiện xử lý và có phương án phê duyệt là 66 cơ sở nhà, đất; số còn lại đang rà soát để đề xuất phương án xử lý (370 cơ sở nhà đất).

Hiện nay, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 18449/BTC-QLCS ngày 27/11/2025 về việc đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội, Công điện số 207/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 18430/BTC-QLCS ngày 27/11/2025 về việc đẩy mạnh triển khai thực hiện sắp xếp, bố trí, xử lý các cơ sở nhà, đất sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ; giao Sở Tài chính thực hiện các quy trình sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 03/2025/NĐ-CP của Chính phủ kịp thời trong năm 2025. Đồng thời, khẩn trương xử lý các cơ sở nhà, đất đòi theo quy định.

Đối với xe ô tô, UBND tỉnh đã có các văn bản chỉ đạo số 514/UBND-TH ngày 14/8/2025; 519/UBND-TH ngày 15/8/2025 về việc sắp xếp, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung trên địa bàn cấp xã, cấp tỉnh của tỉnh Quảng Trị. Kết quả đạt được đến nay, UBND tỉnh thực hiện thanh lý 30 xe ô tô của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, thực hiện bàn giao xe ô tô mua sắm mới cho 26 xã miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

5.3. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập để cụ thể hóa cách xác định mức độ tự chủ tài chính; Thông tư số 34/2025/TT-BTC ngày 11/6/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24/1/2025, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính ban hành Công văn số 2489/STC-HCSN ngày 12/9/2025 về việc giao quyền tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý năm 2025; giai đoạn 2026-2030 gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện theo quy định.

Tình hình đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh có Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: 09 đơn vị; Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: 37 đơn vị; Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 104 đơn vị; Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 65 đơn vị.

Cấp xã: Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1): 0 đơn vị; Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2): 16 đơn vị; Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 20 đơn vị; Đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4): 805 đơn vị.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

6.1. Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Trong năm 2025, UBND tỉnh Quảng Trị đã tập trung chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện và vận hành đồng bộ hạ tầng, nền tảng, ứng dụng phục vụ Chính quyền điện tử, Chính quyền số, từng bước chuyển đổi mô hình quản lý, điều hành sang môi trường số, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, góp phần cải cách thủ tục hành chính và phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Ban Chỉ đạo về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 06/8/2025 thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 về việc thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 173/KH-UBND

ngày 22/7/2025 về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam thành lập, kiện toàn Tổ Công tác đối ứng triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; đôn đốc UBND cấp xã tập trung triển khai thực hiện “xanh hóa” các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 09/7/2025 triển khai thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; đồng thời ban hành Công văn số 57/UBND-HCC ngày 11/7/2025 yêu cầu các sở ban, ngành thuộc UBND tỉnh rà soát, hoàn thiện quy trình điện tử giải quyết TTHC/DVC trực tuyến, bảo đảm vận hành thông suốt chính quyền 02 cấp, thực hiện TTHC hiệu quả, không bị gián đoạn.

6.2. Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã hoàn thành tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đáp ứng mô hình Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất. Mạng viễn thông - Internet tiếp tục được mở rộng và nâng cấp: mạng 3G, 4G phủ sóng 97,7% khu vực dân cư, bảo đảm khả năng truy cập ổn định cho người dân và doanh nghiệp. Mạng 5G¹⁹ đã được triển khai thử nghiệm và đưa vào hoạt động tại 301 địa điểm trọng điểm ở khu vực trung tâm xã, phường, bước đầu đáp ứng nhu cầu truy cập tốc độ cao của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Đến nay, toàn tỉnh có 1.645.238 thuê bao điện thoại, đạt mật độ 103,2 thuê bao/100 dân, trong đó 16.661 thuê bao cố định và 1.628.577 thuê bao di động, 74,3% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh, 87,2% hộ gia đình có thiết bị di động và 84,61% hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang (FTTH). Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông đạt 70%. Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) đạt 72,7%; người dân đã tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên VneID đạt 23,3%;

Hệ thống hội nghị trực tuyến của tỉnh được triển khai đồng bộ, thông suốt, hoạt động ổn định từ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đến 78 Đảng ủy và UBND xã, phường, đặc khu bằng thiết bị chuyên dùng Polycom.

6.3. Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng.

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh hoàn thành chuyển đổi, hợp nhất và hoạt động từ 01/7/2025. Hệ thống đã tích hợp phần mềm Theo dõi nhiệm vụ của UBND tỉnh. Hệ thống văn bản điện tử gửi nhận thông suốt với

¹⁹ Toàn tỉnh có 301 trạm 5G hoạt động, tỷ lệ dân số được phủ sóng đạt 44,9% (so với mục tiêu 50% đến 2025); tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng băng rộng di động đạt 99,4%; tỷ lệ thôn, bản có hạ tầng băng rộng cố định (cáp quang FTTH) đạt 95,9%; 100% trung tâm xã, phường, đặc khu có cáp quang; 18,4% dân số được truy cập băng rộng $\geq 1\text{Gb/s}$; 100% trung tâm hành chính cấp tỉnh, cấp xã có kết nối Internet tốc độ cao...

Trung ương không gián đoạn, đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tỉnh Quảng Trị. Hệ thống hiện thiết lập 2.530 tổ chức với gần 15.000 tài khoản của các sở, ban, ngành, địa phương và các phòng ban, đơn vị thuộc, trực thuộc. Trong đó, có 1.105.280 văn bản (852.377 đến, 252.903 đi).

Từ thời điểm ngày 01/7/2025, các hệ thống thông tin/CSDL dùng chung của tỉnh Quảng Trị mới đi vào hoạt động, vận hành thông suốt, ổn định. Kết quả: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã hoàn thành tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đáp ứng mô hình Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất. Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh đã triển khai hợp nhất, sử dụng chính thức từ 01/7/2025. Hệ thống hiện nay đã cấp phát và đưa vào sử dụng 24.221 tài khoản thư điện tử công vụ của cơ quan đảng, cơ quan chính quyền. Việc gửi nhận thư điện tử công vụ diễn ra thông suốt, hiệu quả là công cụ hỗ trợ trong trao đổi công việc giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Các hệ thống thông tin dùng chung khác của chính quyền tỉnh hiện đã hoàn thành hợp nhất, đưa vào sử dụng, gồm: Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống Cổng/Trang thông tin điện tử tỉnh (01 Cổng thông tin điện tử tỉnh; 40 Trang thông tin điện tử cơ quan cấp tỉnh; 78 Trang thông tin điện tử cấp xã).

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) hoạt động thông suốt, bảo đảm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin/CSDL dùng chung của tỉnh và với các hệ thống thông tin/CSDL của Trung ương. LGSP tỉnh đã giúp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã hoàn thành kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia (VNeID); hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử và Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp (dịch vụ công Đăng ký khai sinh, Đăng ký khai tử, Đăng ký kết hôn, Cấp phiếu lý lịch tư pháp); Cổng dịch vụ công của Bộ Tài chính (Dịch vụ công trực tuyến Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách); Hệ thống DVCTT lĩnh vực đường bộ trong nước (<http://qlvt.mt.gov.vn>) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải do Bộ Giao thông vận tải xây dựng đã được tích hợp, đồng bộ dữ liệu lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; Phần mềm dịch vụ công liên thông do Bộ Công an quản lý để triển khai liên thông điện tử đối với 02 nhóm TTHC “Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng, trợ cấp mai táng” theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP; hoàn thành kết nối chính thức Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với ứng dụng cấp phiếu Lý lịch tư pháp trên VneID.

6.4. Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu

Đã hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ số hóa kết quả và theo dõi hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh cho các sở, ban, ngành thuộc UBND

tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu để hỗ trợ các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt nghiệp vụ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; hướng dẫn một số nội dung liên quan đến công tác CCHC cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu nhằm bảo đảm công tác cải cách hành chính được triển khai một cách kịp thời thông suốt và hiệu quả, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Hoàn thiện chức năng Kho quản lý dữ liệu điện tử thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; hoàn thành việc kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Cho phép thực hiện một số trường hợp sau:

- Lưu tài liệu vào Kho dữ liệu của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Cán bộ lấy tài liệu từ Kho dữ liệu của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia khi tiếp nhận hồ sơ trực tiếp.
- Công dân lấy tài liệu từ Kho dữ liệu của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia khi nộp hồ sơ trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.
- Công dân lấy tài liệu từ Kho dữ liệu của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia khi nộp hồ sơ trực tuyến tại các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh khác.

Kho dữ liệu dùng chung trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã trở thành tiện ích, giúp cho cơ quan chính quyền tái sử dụng, giảm bớt thành phần hồ sơ, hỗ trợ tích cực cho người dân và cơ quan chính quyền trong quá trình giải quyết TTHC/DVCTT.

Hiện nay đã thực hiện số hóa 1.062.082 dữ liệu hộ tịch toàn tỉnh (đạt 100%) và đã chuyển lưu lên cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp; tổ chức triển khai bệnh án điện tử tại tất cả các bệnh viện trên toàn tỉnh; triển khai đại trà Học bạ số cấp tiểu học; chuẩn bị các điều kiện để triển khai thí điểm Học bạ số cấp THCS, THPT đảm bảo đúng thời gian quy định.

6.5. Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử và Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp (dịch vụ công Đăng ký khai sinh, Đăng ký khai tử, Đăng ký kết hôn, Cấp phiếu lý lịch tư pháp); Cổng dịch vụ công của Bộ Tài chính (Dịch vụ công trực tuyến Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách); Hệ thống DVCTT lĩnh vực đường bộ trong nước (<http://qlvt.mt.gov.vn>) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải do Bộ Giao thông Vận tải xây dựng đã được tích hợp, đồng bộ dữ liệu lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; Phần mềm

dịch vụ công liên thông do Bộ Công an quản lý để triển khai liên thông điện tử đối với 02 nhóm TTHC “Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng, trợ cấp mai táng” theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP; hoàn thành kết nối chính thức Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với ứng dụng cấp phiếu Lý lịch tư pháp trên VneID.

Ngành Nông nghiệp và Môi trường tổ chức quản lý vận hành các hệ thống CSDL chuyên ngành, bao gồm: Hệ thống CSDL đất đai (VILIS); CSDL về môi trường; CSDL tài nguyên môi trường vùng biển, ven biển và hải đảo; Hệ thống công nghệ số dự báo thời tiết, sóng biển phục vụ phòng, chống thiên tai; Hệ thống phần mềm CSDL quản lý và cấp phát tư liệu trắc địa. Các hệ thống CSDL này đang phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý chuyên môn của các phòng, đơn vị trong nội bộ ngành. Ngành y tế đã triển khai đến 100% đơn vị sử dụng phần mềm khám chữa bệnh, kê đơn điện tử, liên thông dữ liệu dược; một số đơn vị đã triển khai PACS và bệnh án điện tử.

6.6. Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

Dịch vụ thanh toán điện tử trong thực hiện thủ tục hành chính được triển khai toàn diện. 100% thủ tục hành chính có nghĩa vụ tài chính đã được cung cấp chức năng thanh toán trực tuyến; tỷ lệ phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 87,8%, tỷ lệ thanh toán điện tử thực hiện đạt 50,1%, góp phần hình thành thói quen giao dịch số trong người dân và doanh nghiệp, giảm chi phí xã hội, nâng cao tính minh bạch trong quản lý tài chính công.

Tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức rà soát, đề xuất các cơ chế, chính sách, chương trình về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh; đồng thời giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành trong việc thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh. Giao Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp nội dung đề xuất của các sở, ban, ngành, địa phương để kịp thời đề xuất, tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh tháo gỡ “điểm nghẽn”, “rào cản” và ban hành các cơ chế, chính sách, chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

6.7. Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh

Ứng dụng Công dân số (QUANGTRI-S) trên kho ứng dụng App Store (iOS/iPadOS) và Google Play (Android) đạt tổng số 14.050 lượt tải và cài đặt. Số tài khoản đã đăng ký là 17.023 tài khoản trên hệ thống. Hiện tại, QUANG TRI-S đã tích hợp 18 dịch vụ, tiện ích thông minh. Trong đó tập trung đẩy mạnh triển khai các phân hệ/dịch vụ quan trọng như: Phản ánh hiện trường; Truyền thông cảnh báo; Giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông; Cảnh báo ngập lụt;... Ứng dụng đã đăng tải 131 tin bài truyền thông, cảnh báo nhằm chuyển tải nội dung của nhà nước đến người dân và doanh nghiệp thông qua các thông tin

truyền thông, cảnh báo các vấn đề toàn diện về mọi mặt của đời sống xã hội nhằm nâng cao công tác tuyên truyền, truyền thông các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Ngoài ra, ứng dụng còn cung cấp thông tin cho người dân các sản phẩm, dịch vụ thiết yếu phục vụ cho đời sống được các doanh nghiệp cung cấp, tích hợp vào hệ thống.

Hệ thống Trung tâm điều hành thông minh đã tổ chức kế thừa, giao nhận và duy trì hoạt động các hệ thống/dịch vụ/ứng dụng thông minh thành phố Đồng Hới (cũ), thành phố Đông Hà (cũ), thị xã Ba Đồn (cũ). Triển khai đồng bộ các phần mềm, dịch vụ thông minh, trong đó tập trung vào các hệ thống/ dịch vụ: Tiếp nhận và xử lý phản ánh hiện trường; Ứng dụng Công dân số; Hệ thống giám sát thông tin trên không gian mạng, các hệ thống quản lý thiết bị IOT,... Đồng thời, chỉ đạo phối hợp với các đơn vị phát triển phần mềm (Tập đoàn VNPT, Viettel,...) triển khai đồng bộ các phần mềm, dịch vụ thông minh, trong đó tập trung vào các hệ thống/ dịch vụ quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp, đảm bảo các hệ thống không bị gián đoạn trong quá trình sát nhập.

Hệ thống Giám sát thông tin trên không gian mạng được Sở Khoa học và Công nghệ đầu tư và chính thức đưa vào vận hành, sử dụng từ ngày 01/10/2024. Hệ thống nhằm rà quét, giám sát, ghi nhận các thông tin báo chí và mạng xã hội liên quan đến chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Hiện nay phần mềm đang được Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành phân cấp hạ tầng và đề xuất đơn vị phát triển điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các chức năng, tính năng để triển khai ứng dụng để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

6.8. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Từ ngày 01/7/2025, Quảng Trị chính thức đưa vào vận hành và sử dụng Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh, dùng sử dụng Cổng dịch vụ công tỉnh và sử dụng duy nhất Cổng dịch vụ công quốc gia. Đến nay, toàn tỉnh có 1.087 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 1.082 DVCTT một phần. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 77,67%, tỷ lệ xử lý đúng hạn đạt 98,31%; tỷ lệ số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC đạt 94,52%, và tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt 94,67%. 100% dịch vụ công trực tuyến đã được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Đã đơn đốc xây dựng, trình ban hành quy trình giải quyết TTHC/DVCTT, theo đó đã yêu cầu các đơn vị xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt và trình các DVCTT thuộc danh mục “Danh sách DVC đã toàn trình về dữ liệu” và “THTT đủ điều kiện cung cấp DVCTT” ban hành kèm theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Tuy bước đầu vận hành mô hình chính quyền mới, còn một số khó khăn, nhưng UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành công tác CCHC triển khai đồng bộ. Các quy định, thể chế tiếp tục được tháo gỡ vướng mắc. Thủ tục hành chính, giải quyết hồ sơ cơ bản đúng hạn. Tổ chức bộ máy được sắp xếp tinh gọn theo

đúng chỉ đạo của Trung ương. Cải cách chế độ công vụ được đẩy mạnh, giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu theo quy định. Công tác chuyển đổi số, phát triển khoa học công nghệ được triển khai mạnh mẽ, các hạ tầng kỹ thuật ngày càng thiết thực, phục vụ cho công việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân hiệu quả, nhanh chóng.

2. Tồn tại, hạn chế

Số lượng cán bộ, công chức xã có nơi còn thiếu, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực CCHC còn chưa nhiều, khả năng thích ứng với mô hình chính quyền mới còn hạn chế. Việc thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền vẫn còn nhiều vướng mắc. Trong khi đó, năng lực tổ chức thực hiện ở nhiều địa phương còn lúng túng, thiếu tính chủ động.

3. Nguyên nhân

- Một bộ phận người dân, cán bộ, công chức vẫn chưa quen với cách thức vận hành chính quyền mới. Chất lượng và kỹ năng của đội ngũ công chức ở cấp xã, nhất là ở các lĩnh vực đất đai, tài chính, pháp lý, công nghệ thông tin, quy hoạch, xây dựng một số nơi còn thiếu, năng lực, trình độ chuyên sâu chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Một số văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính chưa được điều chỉnh kịp thời, gây khó khăn cho cơ sở trong quá trình triển khai.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Tiếp tục quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh CCHC, về Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Nâng cao vai trò chỉ đạo của người đứng đầu các cơ quan, địa phương đối với công tác CCHC; Xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2026, Kế hoạch tuyên truyền CCHC, Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2026.

2. Xây dựng chương trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật năm 2026, rà soát các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, gây cản trở trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện thủ tục hành chính; thường xuyên theo dõi tiến độ đề đơn đốc các cơ quan, đơn vị; rà soát, đơn giản hóa TTHC trong các ngành, lĩnh vực.

4. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Rà soát, hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vị trí việc làm của các cơ quan, bảo đảm hoạt động đồng bộ, liên tục gắn với tình hình biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã.

5. Bổ nhiệm cán bộ, điều động, chuyển công chức, viên chức theo quy định. Xây dựng, triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu cho đội ngũ là cán bộ, công chức cấp xã.

6. Tập trung tháo gỡ vướng mắc để hoàn thành Kế hoạch tài chính và giải ngân vốn. Nâng dần mức tự chủ kinh phí chi thường xuyên tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Đẩy mạnh khoa học công nghệ, thiết lập quy trình điện tử, số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

8. Triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, tổ chức các cuộc đối thoại với doanh nghiệp để nắm bắt tình hình, cắt giảm các thủ tục, rào cản cho phát triển doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác CCHC năm 2025, triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2026, UBND tỉnh Quảng Trị kính báo cáo Bộ Nội vụ./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC_(Đ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bảo

Biểu mẫu 1: Chỉ đạo, điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	Văn bản	07
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (<i>Lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	%	100
2.1	<i>Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	53
2.2	<i>Số nhiệm vụ đã hoàn thành</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	53
3	Kiểm tra CCHC		0
3.1	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	04
3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	25
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100
3.3.1	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	<i>Vấn đề</i>	9
3.3.2	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	<i>Vấn đề</i>	9
4	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao		
4.1	<i>Tổng số nhiệm vụ được giao</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	128
4.1.1	<i>Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	100
4.1.2	<i>Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	0
4.1.3	<i>Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	0
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1
5.1	<i>Số lượng phiếu khảo sát</i>	<i>Số lượng</i>	3090
5.2	<i>Hình thức khảo sát</i>	<i>Trực tuyến = 0</i> <i>Phát phiếu = 1</i> <i>Kết hợp = 2</i>	1
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1

Biểu mẫu 2: Cải cách thể chế

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu
1.	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành	Văn bản	275
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	134
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	141
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	36
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100%
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0
3.	Rà soát VBQPPL		
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	1.075
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	231
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	231

Biểu mẫu 3: Cải cách TTHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
1.	Thống kê TTHC		
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	17
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	717
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	607
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.207
1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.805
1.4.2	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	402
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		
2.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100
2.2	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	2.207
3	Kết quả giải quyết TTHC		
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	86,8
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	27.585
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	24.432
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,8
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	77.005
3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	76.064
3.3	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100
3.3.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	480
3.3.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	480

Biểu mẫu 4: Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy		
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	1
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	88
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	1150
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	10
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	185
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	955
2.	Số liệu về biên chế công chức		
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	6.108
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	4936
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	40
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập		
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	34.789
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	37021
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	665
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	17.2%

Biểu mẫu 5: Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
1.	Tuyển dụng công chức, viên chức		
1.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0
1.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0
2.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0
3.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0
3.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0
3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0
3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0
3.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0
4.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức		0
4.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, ĐV	16
4.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, ĐV	1150
4.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0

Biểu mẫu 06: Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	32,08
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	14.878.515
1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	4.772.423
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương		
2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	1056
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	9
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	53
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	124
2.4.1	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	
2.4.2	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	
2.4.3	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	870
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần	Đơn vị	

Biểu mẫu 7: Xây dựng chính quyền điện tử

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử		
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		
3.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100%
3.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100%
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	98,5%
3.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100%
3.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100%
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)		
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100%
4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	166
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	166
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	100%
4.2.1.	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	30
4.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	30
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	100%
4.3.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	104

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê	
		Đơn vị tính	Số liệu
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	104
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	100%
4.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	78
4.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	78
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	49
4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	49